

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: **223/2020/HSPT**
Ngày 17/8/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.

Bà Hoàng Lan Phương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến.

Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2020/HSPT ngày 01/6/2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn S1. và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn S1.**, sinh năm 1983; Trú tại: thôn 6 (Nay là Thôn B.N), xã Q.H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Nguyên là Công chức địa chính xã Q.L., huyện Quảng Xương; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn H và bà Đới Thị Đ; Vợ: Đoàn Thị Ph; Có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2018 đến ngày 18/3/2019. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bùi Minh Th1.**, sinh năm 1976 tại xã Quảng Minh, TP Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: khu phố..., thị trấn T.P, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Nguyên là Bí thư, Chủ tịch xã Q.L., huyện Quảng Xương; Hiện nay là cán bộ VP huyện ủy huyện Quảng Xương; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Minh T và bà Lê Thị D; Vợ: Nguyễn Thị L; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Hiện tại ngoại; Có đơn đề nghị xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lâm Văn Q.**, sinh năm 1982 tại xã Q.C, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: SN17/281 Đường Q.T, phường Đ.V, T.P Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Chuyên viên phòng tài nguyên môi trường huyện Quảng Xương; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Con ông Lâm Văn V và bà Trần Thị T; Vợ: Lê Thị Thùy L; Có 02 con, lớn sinh năm 2016 nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T.**, sinh năm 1963; Trú quán: phố A.C, phường Q.C, T.P Sầm Sơn., tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Nguyên là Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện Quảng Xương; Trình độ học vấn: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu Ng (Liệt sỹ) và bà Vũ Thị M (đã chết); Vợ Đinh Thị B; Có 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không; Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị cáo không kháng cáo:** Bùi Ngọc D. và Bùi Thị H.. Vắng mặt.

*** Các bị cáo kháng cáo nhưng rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa:**

Nguyễn Trọng Ph., Trịnh Đình C., Nguyễn Văn L., Nguyễn Văn Th2. và Trịnh Ngọc Th3.. Đều vắng mặt.

*** Nguyên đơn dân sự không kháng cáo:**

UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Đều không kháng cáo và vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ:

Năm 2016 – 2017, UBND xã Q.L., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa được UBND huyện Quảng Xương phê duyệt 27 mặt bằng quy hoạch điểm dân cư để bán đấu giá quyền sử dụng đất. Tổng số hộ có tên trong danh sách phải thu hồi diện tích đất và được nhận bồi thường là 170 hộ, số tiền ngân sách nhà nước chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng là 3.303.230.000đ. Trong quá trình thực hiện việc kiểm kê thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, Hoàng Văn S1., sinh năm 1983 ở xã Q.H, huyện Quảng Xương là cán bộ công chức địa chính xã Q.L., huyện Quảng Xương đã bàn bạc, câu kết với Bùi Ngọc D. thôn trưởng thôn 3, xã Q.L.; Nguyễn Văn L. thôn trưởng thôn 4, xã Q.L.; Nguyễn Trọng Ph. Nguyên là Phó bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận thôn 6, xã Q.L.; Trịnh Đình C. Thôn trưởng thôn 7, xã Q.L.; Nguyễn Văn Th2. Nguyên là Phó bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận thôn 8, xã Q.L.; Trịnh Ngọc Th3. Phó chủ tịch hội Nông dân xã Q.L. và Bùi Thị H ở thôn 4, xã Q.L. để lập không hồ sơ giải phóng mặt bằng và lập hồ sơ tăng diện tích đất so với thực tế để chiếm đoạt tiền của Ngân sách Nhà nước.

Cụ thể như sau:

- Thực hiện Quyết định số 2457 và số 2458, ngày 27/10/2016 của UBND huyện Quảng Xương về việc thu hồi đất và BTGPMB, Hoàng Văn S1. đã bàn bạc với Bùi Ngọc D. thôn trưởng thôn 3, xã Q.L. đưa diện tích đất công ích xã đứng

tên Bùi Ngọc D. để lấy tiền chi trả BTGPMB chia nhau và được D. đồng ý. Sau đó S1. lập khống 01 hồ sơ với diện tích 150m² rồi đưa cho D. ký tên trong hồ sơ. Khi Hội đồng BTGPMT chi trả tiền thì D. đã nhận số tiền 16.875.000đ. Nhận tiền về D. đưa C. số tiền trên cho S1. thì S1. chia cho D. 6.000.000đ, S1. được 10.875.000đ.

Ngoài ra quá trình thực hiện công việc kiểm kê, đo đạc, quy chủ diện tích đất mặt bằng quy hoạch để thu hồi BTGPMB, Hoàng Văn S1. biết diện tích đất của hộ gia đình ông Trần Văn Cao đang sử dụng là đất công ích xã nhưng S1. vẫn lập khống 01 hồ sơ với diện tích 176m² mang tên Trần Văn Cao nhằm lấy tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, khi nhận tiền chi trả BTGPMB ông Trần Văn Cao đến nhận số tiền 19.800.000đ đem về nhà. Khi Thanh Tra huyện Quảng Xương tiến hành thanh tra thì ông Trần Văn Cao đã đem số tiền trên đưa cho Hoàng Văn S1. để giao nộp cho nhà nước. Quá trình điều tra S1. khai làm như vậy là do chỉ đạo của ông Nguyễn Văn Thảo nguyên chủ tịch UBND xã Q.L., nhưng ông Thảo không thừa nhận đã chỉ đạo S1.. Còn Trần Văn Cao khai ông được S1. Th2. báo gia đình ông có 176m² đất nằm trong diện giải phóng mặt bằng tương đương số tiền 19.800.000đ nên ông ký hồ sơ và sau khi hội đồng BTGPMT chi trả tiền thì ông nhận số tiền trên. Sau này S1. nói đất của gia đình ông Cao không nằm trong diện giải phóng mặt bằng do sai vị trí thì ông Cao đã trả lại số tiền trên cho S1.. Do đó không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với ông Nguyễn Văn Thảo và ông Trần Văn Cao mà S1. phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình

- Thực hiện Quyết định số 678 và số 679, ngày 28/4/2017 của UBND huyện Quảng Xương về việc thu hồi đất và BTGPMB; Hoàng Văn S1. đã bàn bạc với Nguyễn Văn L. thôn trưởng thôn 4, xã Q.L. đưa diện tích đất công ích xã đứng tên Nguyễn Văn L. để lấy tiền chi trả BTGPMB. Khi bàn bạc, S1. nói với L. “Bác đứng tên để lấy tiền cho xã” và Nguyễn Văn L. đồng ý. L. nghĩ là đứng tên để lấy tiền cho UBND xã, sau này có tiền thì L. cũng sẽ được chia. Sau đó S1. lập khống 01 hồ sơ với diện tích 215,1m² rồi đưa cho L. ký tên trong hồ sơ. Khi Hội đồng BTGPMT chi trả tiền thì L. đã nhận số tiền 24.199.000đ. Nhận tiền xong L. đưa C. số tiền trên cho S1. thì S1. đưa cho L. 2.000.000đ, S1. được 22.199.000đ.

+ Tương tự với thủ đoạn như trên Hoàng Văn S1. đã bàn bạc với Nguyễn Văn Th2. Nguyên là Phó bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận thôn 8, xã Q.L. lập khống 01 hồ sơ đứng tên Nguyễn Văn Th2. với diện tích 154m² là đất công ích xã chiếm đoạt số tiền 17.325.000đ của ngân sách nhà nước. Sau khi nhận tiền, S1. chia cho Th2. 5.000.000đ, S1. cầm 12.325.000đ.

+ Đối với hồ sơ mang tên Đào Văn Hoàn ở thôn 3, xã Q.L., huyện Quảng Xương. Tại thời điểm kiểm kê, đo đạc lập hồ sơ BTGPMB Đào Văn Hoàn không có nhà nên Hoàng Văn S1. đã tự lập hồ sơ với diện tích 336m² tương đương số tiền 37.800.000đ. Khi hội đồng BTGPMT chi trả tiền S1. bảo Bùi Ngọc D. gọi điện cho Hoàn đến nhận tiền nhưng Hoàn nói không lấy tiền mà yêu cầu chia cho Hoàn mảnh đất khác để canh tác. Do đã lập hồ sơ rồi mà Hoàn không lấy tiền nên S1. nảy sinh chiếm đoạt số tiền trên. Vì vậy S1. nhờ D. mượn CMTND của Hoàn

rồi tự làm giấy ủy quyền từ Đào Văn Hoàn ủy quyền cho Bùi Ngọc D. có xác nhận của chính quyền địa phương do phó chủ tịch xã Q.L. ông Trần Văn Nhẫn ký. Nhận được tiền xong D. đưa C. cho S1. 37.800.000đ. Quá trình điều tra xác định việc S1. lập hồ sơ Hoàn không hề hay biết, Hoàn cũng không ký bất kỳ loại giấy tờ nào, khi D. mượn CMTND Hoàn cũng không biết D. mượn để làm gì. Còn Hoàn được chia cho mảnh đất canh tác ở nơi khác và đã nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

+ Đối với hồ sơ mang tên Nguyễn Đình Sỹ ở thôn 8, xã Q.L., huyện Quảng Xương, Hoàng Văn S1. đã tự lập hồ sơ với diện tích 475m² đất công ích xã đề chiếm đoạt số tiền 53.438.000đ của ngân sách nhà nước. Để rút tiền từ hội đồng BTGPMB S1. nói với Nguyễn Văn Th2. mượn CMTND của Sỹ, sau khi có CMTND S1. đã tự làm giấy ủy quyền từ Nguyễn Đình Sỹ cho Nguyễn Văn Th2. có xác nhận của chính quyền địa phương do phó chủ tịch xã Q.L. ông Trần Văn Nhẫn ký. Có giấy ủy quyền S1. đưa cho Th2. đi lấy tiền. Sau khi lấy được tiền Th2. mang về nhà đến hôm sau S1. đến nhà Th2. lấy tiền, sau khi lấy tiền S1. đưa cho Th2. 10.000.000đ trả công, S1. được 43.438.000đ. Quá trình điều tra S1. khai việc S1. lập hồ sơ là có sự bàn bạc và đồng ý của Nguyễn Đình Sỹ, còn ông Th2. không biết việc này. Tuy nhiên Tại phiên tòa S1. thừa nhận đã tự mình lập không hồ sơ để chiếm đoạt số tiền trên.

Quá trình điều tra còn xác định có 01 hộ dân là Bùi Ngọc Thúy SN1964 ở thôn 4, Q.L., Quảng Xương đã khai tăng diện tích đất so với thực tế là 18,5m² gây thất thoát Ngân sách Nhà nước số tiền 2.081.250đ.

- Thực hiện Quyết định số 2006 và số 2007, ngày 01/9/2017 của UBND huyện về việc thu hồi đất và BTGPMB; Hoàng Văn S1. đã bàn bạc với Bùi Ngọc D. là thôn trưởng thôn 3 lập không 01 hồ sơ mang tên Nguyễn Thị Nga sinh năm 1987 (là vợ của D.) nhưng Nga không biết với diện tích 208m² đất công ích xã chiếm đoạt số tiền 23.400.000đ. Đồng thời Hoàng Văn S1. và Bùi Ngọc D. nhờ Bùi Thị Hiền sinh năm 1982 ở thôn 4, xã Q.L. là chị ruột của D. đứng tên lập không 01 hồ sơ với diện tích 460m² đất công ích xã và được Hiền đồng ý, chiếm đoạt của ngân sách nhà nước số tiền 51.750.000đ. Sau khi nhận tiền chi trả BTGPMB, Hoàng Văn S1. chia Bùi Ngọc D. 10.000.000đ, chia cho Bùi Thị Hiền 1.000.000đ, S1. được 64.150.000đ.

+ Tương tự với thủ đoạn như trên, Hoàng Văn S1. đã bàn bạc với Trịnh Đình C. thôn trưởng thôn 7, xã Q.L. lập không 01 hồ sơ với diện tích 286m² đất công ích xã mang tên Trịnh Đình C., chiếm đoạt của ngân sách nhà nước số tiền 32.175.000đ. Sau khi nhận tiền BTGPMB Trịnh Đình C. nghe dư luận của nhân dân xã Q.L. về việc cùng Hoàng Văn S1. lập không hồ sơ nên Trịnh Đình C. đã đem số tiền 32.175.000 giao nộp lại cho UBND xã Q.L..

+ Hoàng Văn S1. gọi điện cho Trịnh Ngọc Th3. là phó chủ tịch hội nông dân xã Q.L. bảo Th3. đứng tên một lô đất cho UBND xã, Th3. biết mình không có đất nhưng được S1. nhờ đứng tên nên Th3. đồng ý. Sau đó S1. lập không 01 hồ sơ với diện tích 485m² đất công ích xã mang tên Trịnh Ngọc Th3. rồi đưa cho Th3.

ký tên trong hồ sơ. Khi hội đồng BTGPMT chi trả tiền thì Th3. đến nhận số tiền 54.563.000đ rồi đưa C. cho S1.. Sau khi nhận tiền S1. đưa cho Th3. 3.000.000đ, S1. được 51.563.000đ.

+ Hoàng Văn S1. bàn bạc với Nguyễn Trọng Ph. Nguyên là Phó bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận thôn 6, xã Q.L. cùng nhau lập khống 01 hồ sơ với diện tích 198m² đất công ích xã mang tên Nguyễn Trọng Ph., chiếm đoạt số tiền 22.275.000đ. Khi nhà nước chi trả tiền BTGPMB có công dân Phạm Thị Thắm SN1965 ở thôn 4, Q.L. có đất ở khu vực được BTGPMB nhưng không được đền bù thất mất với ông Nguyễn Văn L. thôn trưởng thôn 4. Sau đó ông L. phản ánh với S1.. Do sợ hành vi lập khống hồ sơ của mình cùng đồng bọn bị phát hiện nên S1. đã nói Nguyễn Trọng Ph. đưa cho Phạm Thị Thắm số tiền 16.312.000đ, còn lại số tiền 5.962.500đ S1. cho Nguyễn Trọng Ph.. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định đất của bà Thắm tương đương với số tiền là 16.312.000đ, đất công ích tương đương với số tiền là 5.962.500đ.

+ Ngoài ra S1. bàn bạc với Nguyễn Trọng Ph. lập tăng diện tích đất của Nguyễn Trọng Quyền SN1970 ở thôn 6, xã Q.L. là em ruột của Nguyễn Trọng Ph. với diện tích tăng 224,4m², gây thất thoát Ngân sách nhà nước số tiền 25.245.000đ, Khi nhận tiền Hoàng Văn S1. lấy 5.000.000đ và cho Nguyễn Trọng Ph. 20.245.000đ, Nguyễn Trọng Ph. lấy 15.000.000đ và cho Quyền số tiền 5.245.000đ. Khi cơ quan Thanh tra đến làm việc thì Ph. đưa cho Hoàng Văn S1. 10.000.000đ nhờ giao nộp khắc phục hậu quả.

+ Ngoài ra Hoàng Văn S1. tự mình lập khống 01 hồ sơ với diện tích 410m² mang tên Lê Thị Hạnh (quá trình xác minh không có công dân nào mang tên Lê Thị Hạnh ở thôn 3, Q.L., Quảng Xương), chiếm đoạt của ngân sách nhà nước số tiền 46.125.000đ để chi tiêu cá nhân. Để lấy được tiền từ Hội đồng BTGPMB S1. nhờ một hộ dân cũng đi nhận tiền (S1. không nhớ là ai) đứng ra nhận hộ. S1. lợi dụng hội đồng chi trả tiền chỉ có Đỗ Đức Dương nên S1. đã đưa hồ sơ mang tên Lê Thị Hạnh cho Đỗ Đức Dương (Th1. viên hội đồng BTGPMB) đang làm nhiệm vụ chi trả tiền và nói “Anh đã kiểm tra hồ sơ này rồi em chi trả tiền đi”. Tin S1. nên Dương không kiểm tra nữa mà tiến hành chi trả tiền cho người phụ nữ S1. đã nhờ. Sau khi nhận tiền người phụ nữ này đã đưa cho S1., S1. lấy tiền và cho người này mấy trăm tiền công.

+ Quá trình lập hồ sơ BTGPMB hộ bà Trần Thị D. ở thôn 7, Q.L., Hoàng Văn S1. biết bà D. không có mặt tại địa phương nên đã tự mình lập tăng khống diện tích đất của gia đình bà D. thêm 130,2m² chiếm đoạt số tiền 14.647.500đ của Nhà nước, diện tích đất nhà bà D. thực tế là 132,8m² tương đương số tiền là 14.940.500đ. Khi nhận tiền ông Thiệu là em chồng bà D. được bà D. ủy quyền đã đưa cho S1. số tiền 18.300.000đ hiện S1. chưa trả lại cho bà D. số tiền là 3.652.500đ.

+ Quá trình thực hiện công việc kiểm kê, đo đạc, quy chủ diện tích đất mặt bằng quy hoạch để thu hồi BTGPMB, Hoàng Văn S1. kiểm kê, quy chủ nhầm diện tích đất công ích xã Th1. đất của hộ gia đình ông Nguyễn Trọng Hùng SN1976 ở thôn 6, Q.L.. Qua đó, hộ ông Nguyễn Trọng Hùng được hưởng khống

01 hồ sơ với diện tích 267m², gây thất thoát Ngân sách nhà nước số tiền 30.038.000đ. Hiện gia đình Nguyễn Trọng Hùng đã đến Cơ quan CSĐT giao nộp số tiền 25.110.000đ để trả lại cho nhà nước, còn thiếu 4.928.000đ chưa giao nộp; nhằm diện tích đất công ích xã Th1. đất của hộ gia đình ông Vũ Văn Đệ SN1960 ở thôn 7, Q.L.. Qua đó, hộ Vũ Văn Đệ được hưởng không 01 hồ sơ với diện tích 121,86m², gây thất thoát Ngân sách nhà nước số tiền 13.710.000đ. Hiện gia đình Vũ Văn Đệ đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng xương.

Ngoài ra, có 03 hộ dân khai tăng diện tích được lập hồ sơ BTGPMB với tổng diện tích tăng sai lệch so với thực tế là 118m², làm thất thoát Ngân sách Nhà nước số tiền 13.275.000đ gồm: Bùi Ngọc Phú SN1980 ở thôn 3, Q.L. tăng 75m² tương đương số tiền 8.437.500đ; Nguyễn Thị Hiền SN1964 ở thôn 4, Q.L. tăng 20m² tương đương số tiền 2.250.000đ; Trần Văn Cúc SN1973 ở thôn 1, Q.L. tăng 23m² tương đương số tiền 2.587.500đ. Hiện Bùi Ngọc Phú, Nguyễn Thị Hiền, Trần Văn Cúc đã giao nộp số tiền được hưởng do khai tăng diện tích để khắc phục hậu quả.

Tại kết luận giám định số 17/KLGD-TCKT ngày 28/8/2019 của Giám định viên tư pháp Sở tài chính tỉnh Thanh Hóa kết luận: Hành vi phạm tội của Hoàng Văn S1. cùng đồng bọn có gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước và công dân số tiền thiệt hại trong vụ án đã làm tròn số là 498.721.000đ.

Như vậy, trong việc thực hiện các Quyết định của UBND huyện Quảng Xương giai đoạn 2016- 2017 có 03 đợt về thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng tại xã Q.L., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hoàng Văn S1. và đồng bọn đã có hành vi lập không, lập tăng và quy chủ nhằm diện tích bồi thường, làm cho Ngân sách bị thiệt hại 482.409.500đ và gây thiệt hại cho công dân là 16.312.500đ. Trong đó Hoàng Văn S1. đã lập không và lập tăng diện tích 14 hồ sơ trong ba đợt chiếm đoạt số tiền ngân sách nhà nước phải chi trả BTGPMB là 439.617.500đ. Bùi Ngọc D. cùng với S1. đã lập không 03 hồ sơ trong hai đợt chiếm đoạt số tiền 92.025.000đ; Nguyễn Trọng Ph. cùng với S1. lập không và tăng diện tích đất 02 hồ sơ nhưng chỉ trong một đợt về thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm đoạt số tiền 47.520.000đ; Còn Trịnh Đình C., Nguyễn Văn L., Nguyễn Văn Th2., Trịnh Ngọc Th3., Bùi Thị Hiền mỗi người chỉ cùng với S1. lập không 01 hồ sơ.

Trong đó bị can Hoàng Văn S1. hưởng lợi bất chính số tiền 327.922.500đ; Bùi Ngọc D. hưởng lợi 16.000.000đ; Nguyễn Văn L. hưởng lợi 2.000.000đ; Nguyễn Văn Th2. hưởng lợi 15.000.000đ; Nguyễn Trọng Ph. hưởng lợi 20.962.000đ; Trịnh Ngọc Th3. hưởng lợi 3.000.000đ; Bùi Thị Hiền hưởng lợi 1.000.000đ; Các đối tượng và các hộ dân có liên quan Nguyễn Trọng Quyền hưởng lợi 5.245.000đ, Bùi Ngọc Phú hưởng lợi 8.437.500đ, Nguyễn Trọng Hùng 30.038.000đ, Vũ Văn Đệ hưởng lợi 13.710.000đ, Bùi Ngọc Thúy 2.081.250đ, Nguyễn Thị Hiền hưởng lợi 2.250.000đ, Trần Văn Cúc hưởng lợi 2.587.500đ.

Quá trình điều tra vụ án các bị can đã giao nộp số tiền khắc phục hậu quả như sau: Bùi Ngọc D. giao nộp 40.275.000đ khắc phục cho D. 16.000.000đ và S1. 24.275.000đ; Nguyễn Văn Th2. giao nộp 17.325.000đ khắc phục số tiền Th2.

đã hưởng lợi 15.000.000đ và 2.325.000đ khắc phục cho S1.; Nguyễn Văn L. giao nộp 24.198.000đ khắc phục cho L. 2.000.000đ và S1. 22.198.000đ; Trịnh Đình C. giao nộp 32.175.000đ; Bùi Thị Hiền giao nộp 51.750.000đ khắc phục cho Hiền 1.000.000đ và S1. 50.750.000đ; Nguyễn Trọng Ph. giao nộp 10.962.500đ khắc phục hậu quả; Trịnh Ngọc Th3. giao nộp 20.000.000đ khắc phục cho Th3. 3.000.000đ và cho S1. 17.000.000đ; Hoàng Văn S1. giao nộp 150.000.000đ (trong đó nộp 10.000.000đ cho Ph. vì trước đó Ph. có đưa cho S1. để S1. nộp hộ).

Các đối tượng có liên quan gồm: Bùi Ngọc Phú giao nộp 8.437.000đ, Nguyễn Trọng Hùng giao nộp 25.110.000đ (còn 4.928.000đ Hùng chưa giao nộp); Bùi Ngọc Thúy giao nộp 2.081.000đ; Nguyễn Thị Hiền giao nộp 2.250.000đ; Trần Văn Cúc giao nộp 2.587.500đ; Nguyễn Trọng Quyền giao nộp 5.245.000đ; Vũ Văn Độ giao nộp số tiền 13.720.000đ.

Số tiền 406.106.000đ các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp tại cơ quan điều tra và cơ quan Thi hành án là tiền thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Hiện đang tiếp tục quy trữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Số tiền S1. và Ph. chiếm đoạt của bà Phạm Thị Thắm là 16.312.000đ S1. và Ph. đã trả cho bà Thắm.

2. Về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:

Trách nhiệm để xảy ra sai phạm trong vụ án là trách nhiệm của các cá nhân thuộc về cán bộ được giao trực tiếp thực hiện các công tác chuyên môn trong công tác thu hồi đất BTGPMB cụ thể:

- Nguyễn Hữu T. - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên môi trường huyện Quảng Xương: Với trách nhiệm là Phó chủ tịch hội đồng BTGPMB huyện Quảng Xương, được Hội đồng BTGPMB giao nhiệm vụ cùng với Lâm Văn Q. – Chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường là Th1. viên hội đồng có trách nhiệm trong công tác kiểm kê diện tích thu hồi: “Có trách nhiệm thẩm tra lại hồ sơ, đồng thời kiểm tra trên C. thực địa, ký biên bản kiểm kê trước khi chuyển phòng Tài nguyên môi trường thẩm định”. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chức trách đã thực hiện không đầy đủ, không hết trách nhiệm được giao như:

+ Không xuống thực địa để tổ chức tiến hành kiểm kê, kiểm tra đo đạc theo quy định.

+ Không tiến hành kiểm tra thẩm định hồ sơ mà chỉ căn cứ vào văn bản báo cáo của Lâm Văn Q. để ký vào biên bản trình Chủ tịch Hội đồng BTGPMB dẫn đến đề các đối tượng lập khống, lập tăng, quy chủ nhầm, khai tăng diện tích đất gây thất thoát cho ngân sách nhà nước và công dân số tiền 498.721.500đ nhưng T. không biết

- Lâm Văn Q. - Chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường huyện Quảng Xương: Với trách nhiệm là Th1. viên Hội đồng bồi thường GPMB huyện Quảng Xương, được Hội đồng BTGPMB giao nhiệm vụ cùng với Nguyễn Hữu T. có trách nhiệm trong công tác kiểm kê diện tích thu hồi: “Có trách nhiệm thẩm tra lại hồ sơ, đồng thời kiểm tra trên C. thực địa, ký biên bản kiểm kê trước khi chuyển

phòng Tài nguyên môi trường thẩm định”. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chức trách đã thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao như:

- + Xuống thực địa nhưng không tiến hành tổ chức kiểm kê, kiểm tra đo đạc cụ thể diện tích đất bị thu hồi.

- + Không tiến hành thẩm định hồ sơ và đối chiếu kết quả kiểm kê, đo đạc giữa hồ sơ và thực tế.

- + Không kiểm tra để phát hiện các sai phạm trong hồ sơ như ký thay, ký không trong hồ sơ mà trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xuống thực địa xác định khu vực mặt bằng bị thu hồi chỉ nghe Hoàng Văn S1. báo cáo trình hồ sơ, sau đó trình Nguyễn Hữu T. ký vào các biên bản đề trình Chủ tịch HĐND huyện dẫn đến để các đối tượng lập khống, lập tăng, quy chủ nhầm, khai tăng diện tích gây thất thoát cho ngân sách nhà nước số tiền 498.721.500đ nhưng Q. không biết.

- Bùi Minh Th1. - Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã Q.L., Phó chủ tịch hội đồng BTGPMB huyện:

Ngày 08/11/2016, Ban Thường vụ Huyện ủy Quảng Xương ban hành Quyết định số 644-QĐ/HU về việc luân chuyển và bổ nhiệm Bùi Minh Th1. giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch UBND xã Q.L.. Với trách nhiệm là người đứng đầu địa phương, là phó ban BTGPMB nhưng trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ đã không chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao, thiếu kiểm tra, giám sát, buông lỏng quản lý, không tổ chức kiểm kê, đo đạc, quy chủ, công khai theo quy định mà giao toàn bộ việc thực hiện công tác BTGPMB cho Hoàng Văn S1. và ký xác nhận vào các hồ sơ BTGPMB để báo cáo cơ quan chuyên môn và hội đồng BTGPMB để Hoàng Văn S1. cùng đồng bọn lập khống, lập tăng 12 hồ sơ với tổng diện tích là 3581,7m² tương đương số tiền phải chi trả BTGPMB là 402.942.500đ, 04 hộ dân tăng diện tích đất so với thực tế là 136,5m² tương đương số tiền phải chi trả BTGPMB là 15.356.000đ và 02 hộ quy chủ nhầm tổng diện tích 388,86m² tương đương số tiền 43.748.000đ trong thực hiện các Quyết định số 678, 679 ngày 28/4/2017 và các Quyết định số 2006, 2007 ngày 1/9/2017 của UBND huyện Quảng Xương làm thất thoát ngân sách nhà nước số tiền 462.046.500đ nhưng Th1. không biết.

- Nguyễn Văn Th nguyên chủ tịch UBND xã Q.L., khi đang là chủ tịch UBND xã Q.L. thực hiện Quyết định số 2457 và số 2458, ngày 27/10/2016 của UBND huyện Quảng Xương về việc thu hồi đất và BTGPMB đã không chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao, thiếu kiểm tra, giám sát, buông lỏng quản lý, không tổ chức kiểm kê, đo đạc, quy chủ, công khai theo quy định mà giao toàn bộ việc thực hiện công tác BTGPMB cho Hoàng Văn S1. và ký xác nhận vào các hồ sơ BTGPMB để báo cáo cơ quan chuyên môn và hội đồng BTGPMB, Hoàng Văn S1. cùng đồng bọn lập khống 02 hồ sơ chiếm đoạt số tiền 36.675.000đ nhưng Thảo không biết.

- Hoàng Văn S1. là công chức địa chính xã Q.L., ngoài hành vi Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ (đã được khởi tố) trong quá trình

thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, S1. đã không làm hết trách nhiệm nên quy chủ nhằm cho 2 hộ là Vũ Văn Đệ và Nguyễn Trọng Hùng với tổng diện tích 388,86m² tương ứng 43.748.000đ và để cho 04 hộ dân khai tăng gồm Bùi Ngọc Thúy, Bùi Ngọc Phú, Nguyễn Thị Hiền, Trần Văn Cúc với tổng diện tích 136,5m² tương ứng 15.356.000đ. Tổng hai khoản là 59.104.000đ

- Đỗ Đức D – thành viên Hội đồng BTGPMT. Khi chi trả tiền hồ sơ mang tên Lê Thị Hạnh đã không kiểm tra, đối chiếu, xác nhận người nhận tiền có phải Lê Thị Hạnh hay không, nên không xác định đúng đối tượng được nhận tiền chi trả gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 46.125.000đ nhưng Dương không biết.

- Trần Văn Nh – Phó chủ tịch UBND xã Q.L.. Với chức trách nhiệm vụ được giao đã ký 02 giấy ủy quyền không đúng quy định gồm: Nguyễn Đình Sỹ ủy quyền cho Nguyễn Văn Th2. và Đào Văn H ủy quyền cho Bùi Ngọc D. khi người ủy quyền là S và H không có mặt ở địa phương, không ủy quyền cho ai. Ông Nh đã không kiểm tra giấy tờ, người yêu cầu chứng thực chữ ký không có mặt khi yêu cầu, người trình ký không phải cán bộ tư pháp mà là Hoàng Văn S1. nhưng ông N vẫn ký. Hành vi của ông Nh đã vi phạm Điều 5, Điều 9, Điều 24 Nghị Định 23/2015/ NĐ- CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ, để Hoàng Văn S1. dùng giấy ủy quyền chiếm đoạt số tiền 91.238.000đ từ việc chi trả tiền BTGPMT gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước nhưng ông Nh không biết.

Hành vi không làm và làm không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao của Nguyễn Văn Th; Hoàng Văn S1.; Đỗ Đức D; Trần văn Nh có dấu hiệu của tội: Thiểu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 360 BLHS 2015. Tuy nhiên số tiền thiệt hại của từng đối tượng gây ra dưới 100.000.000đ nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong giai đoạn truy tố Hoàng Văn S1. khai báo ông Trần Văn Nh – Phó chủ tịch, Bùi Ngọc A – Phó chủ tịch HĐND, Trần Tiến Th1.- cán bộ địa chính, Phạm Thị H- kế toán UBND xã Q.L., Nguyễn Đình S công dân xã Q.L., Nguyễn Trọng B – Chủ tịch UBMTTQ xã có biết việc làm của S1. nhưng không có ý kiến gì. Sau khi chiếm đoạt được tiền S1. đều chia cho ông Nh, ông A, ông Th1., chia cho anh S 5.000.000đ, anh B 5.000.000đ, đưa cho H 26.000.000đ và giao nộp 01 USB thể hiện 02 đoạn hội thoại giữa Hoàng Văn S1. với Trần Tiến Th1.. Viện kiểm sát đã trả hồ sơ yêu cầu Cơ quan CSĐT điều tra bổ sung. Quá trình điều tra bổ sung Cơ quan CSĐT đã tiến hành lấy lời khai và cho đối chất giữa những người này với S1., đồng thời tiến hành một số hoạt động điều tra khác để thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng không đủ tài liệu chứng cứ để chứng minh như lời khai của S1..

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn S1., Bùi Ngọc D., Trịnh Đình C., Nguyễn Văn L., Nguyễn Trọng Ph., Nguyễn Văn Th2., Trịnh Ngọc Th3., Bùi Thị H phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”; Bùi Minh Th1.,

Lâm Văn Q., Nguyễn Hữu T. phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 7; điểm b (điểm c đối với bị cáo Hoàng Văn S1.) khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: 1. Hoàng Văn S1. 39 (ba mươi chín) tháng tù; 2. Bùi Ngọc D. 21 (hai mươi một) tháng tù.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 7; khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b, s (điểm x đối với bị cáo L., Ph.) khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Th2.) Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 (Điều 65 đối với bị cáo Hiền) Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: 3. Nguyễn Trọng Ph. 06 (sáu) tháng tù; 4. Trịnh Đình C. 05 (năm) tháng tù; 5. Nguyễn Văn L. 05 (năm) tháng tù; 6. Nguyễn Văn Th2. 05 (năm) tháng tù; 7. Trịnh Ngọc Th3. 05 (năm) tháng tù; 8. Bùi Thị H 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 7; điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; điểm s (điểm v đối với bị cáo Th1., điểm x đối với bị T.) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: 9. Bùi Minh Th1. 06 (sáu) tháng tù; 10. Lâm Văn Q. 06 (sáu) tháng tù; 11. Nguyễn Hữu T. 06 (sáu) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Hoàng Văn S1., Bùi Ngọc D., Trịnh Đình C., Nguyễn Văn L., Nguyễn Trọng Ph., Nguyễn Văn Th2., Trịnh Ngọc Th3., Bùi Thị Hiền, Bùi Minh Th1., Lâm Văn Q., Nguyễn Hữu T. đảm nhiệm chức vụ có liên quan trong thời hạn 1 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt. Không phạt tiền đối với các bị cáo.

- Án sơ thẩm còn quyết định về thời hạn chấp hành hình phạt, thời gian thử thách của án treo, nghĩa vụ thi hành án, trách nhiệm dân sự, tang vật, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự và người liên quan.

*** Sau khi xét xử, các bị cáo sau có đơn kháng cáo:**

- Bị cáo Hoàng Văn S1. xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Lâm Văn Q., Trịnh Ngọc Th3., Nguyễn Văn Th2., Nguyễn Văn L., Trịnh Đình C. và Nguyễn Trọng Ph. xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Bị cáo Bùi Minh Th1. và Nguyễn Hữu T. xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trọng Ph., Trịnh Đình C.,

Nguyễn Văn L., Nguyễn Văn Th2. và Trịnh Ngọc Th3. có đơn xin rút kháng cáo nên đã được đình chỉ xét xử phúc thẩm tại Quyết định số 223/2020/QĐPT-HS ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:** Các bị cáo Hoàng Văn S1., Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Bùi Minh Th1. vắng mặt nhưng không có ý kiến thay đổi nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị: Tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ gồm: Hoàng Văn S1. xuất trình Biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả cho Nhà nước 15.000.000đ (Biên lai thu tiền số 008563 ngày 14/8/2020 Chi cục Thi hành án DS huyện Quảng Xương); Trong quá trình công tác đã được Chủ tịch UBND các xã Quảng Hải (năm 2010); Quảng Đại (2014) và Q.L. (2016) tặng Giấy khen vì đã có Th1. tích xuất sắc trong công tác. Gia đình hiện nay thuộc hộ cận nghèo theo Giấy chứng nhận của UBND xã Q.L.. Bùi Minh Th1. xuất trình Công văn số 560/CSHS ngày 19/6/2020 của Phòng CSHS – CA tỉnh Thanh Hóa đề nghị xem xét vì đã có thành tích giúp đơn vị bắt giữ đối tượng Trần Viết An đang có lệnh truy nã, đã lập công trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nên đề nghị khoan hồng. Dó đó đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo Hoàng Văn S1. từ 06 đến 09 tháng tù; bị cáo Bùi Minh Th1. từ 01 đến 02 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Hữu T. xuất trình thêm Giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua cơ sở và giấy khen do Chủ tịch UBND huyện cấp, bản thân đang bị bệnh tiểu đường sức khỏe yếu. Bị cáo Lâm Văn Q. trình bày gia đình điều kiện hoàn C.nh khó khăn, con nhỏ bản thân là lao động chính trong gia đình. Xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và xử mức án tù giam đối với từng bị cáo về là đã có xem xét giảm nhẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo nên được chấp nhận để xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị cáo Bùi Minh Th1. kháng cáo nhưng có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị cáo.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

2.1 Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận:

Lợi dụng trong việc thực hiện các Quyết định của UBND huyện Quảng Xương giai đoạn 2016 - 2017 có 03 đợt về thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng tại xã Q.L., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hoàng Văn S1. đã bàn bạc với Bùi Ngọc D., Trịnh Đình C., Nguyễn Văn L., Nguyễn Trọng Ph., Nguyễn Văn Th2., Trịnh Ngọc Th3., Bùi Thị H lập khống hồ sơ, kê khai tăng diện tích đất công ích xã để chiếm đoạt tiền và gây thiệt hại về tài sản cho Nhà nước 482.409.500đ và gây thiệt hại cho công dân là 16.312.500đ. Trong đó Hoàng Văn S1. đã lập khống và lập tăng diện tích 14 hồ sơ trong cả 03 lần gây thiệt hại về tài sản 439.617.500đ. Bùi Ngọc D. cùng với S1. đã lập khống 03 hồ sơ trong hai lần gây thiệt hại số tiền 92.025.000đ; Nguyễn Trọng Ph. cùng với S1. lập khống và tăng diện tích đất 02 hồ sơ nhưng chỉ trong một lần gây thiệt hại 47.520.000đ; Trịnh Đình C., Nguyễn Văn L., Nguyễn Văn Th2., Trịnh Ngọc Th3., Bùi Thị H mỗi người chỉ cùng với S1. lập khống 01 hồ sơ gây thiệt hại số tiền dưới 200.000.000đ.

Bùi Minh Th1., Lâm Văn Q., Nguyễn Hữu T. trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ đã không thực hiện đúng trách nhiệm được giao. Trong đó Bùi Minh Th1. thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 462.046.500đ, Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 482.409.500đ và thiệt hại cho cá nhân bà Phạm Thị Thắm số tiền 16.312.000đ. Tổng số tiền thiệt hại là 498.721.500đ.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của từng bị cáo và xử phạt Hoàng Văn S1. về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 356 BLHS; Bùi Minh Th1., Lâm Văn Q., Nguyễn Hữu T. về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 1 điều 360 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã cố tình làm trái nhiệm vụ được giao, thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, giám sát, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan công quyền, gây bức xúc trong dư luận quần chúng. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật là cần thiết, làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

2.2. Xét các nội dung kháng cáo: Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi, vai trò phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, trong đó các bị cáo có kháng cáo như sau:

Các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn nên phải chịu trách nhiệm về mức độ và vai trò đối với hành vi phạm tội.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể;

Hoàng Văn S1. đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, quá trình công tác được đơn vị tặng nhiều giấy khen nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bùi Minh Th1. đã thành khẩn khai báo; trong quá trình công tác được Chủ tịch tỉnh tặng bằng khen, nhiều năm là chiến sỹ thi đua và giấy khen, có bố là thương binh và được tặng huân chương nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; Nguyễn Hữu T. đã thành khẩn khai báo, có bố là liệt sỹ, nhiều năm được Chủ tịch huyện tặng giấy khen nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; Lâm Văn Q. đã thành khẩn khai báo, nhiều năm được Chủ tịch huyện tặng giấy khen nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Do đó, cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo: Hoàng Văn S1. 39 tháng tù; Bùi Minh Th1., Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù là đã được xem xét, chiếu cố và giảm nhẹ so với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo trong vụ án.

- Tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới:

Bị cáo Bùi Minh Th1. có thêm tình tiết giảm nhẹ mới đó là: Phòng cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa gửi Công văn số 560/CSHS ngày 19/6/2020 đề nghị xem xét khoan hồng đối với bị cáo vì đã có công phát hiện và giúp đơn vị bắt đối tượng đang bị truy nã là Trần Viết An, sinh năm 2000, HKTT tại thôn Tân Đại, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo Trịnh Đình C., Nguyễn Văn L., Nguyễn Văn Th2., Nguyễn Thanh Ph. và Trịnh Ngọc Th3. đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Minh Th1. với lý do hành vi phạm của bị cáo do các bị cáo gây nên.

Bị cáo Hoàng Văn S1. xuất trình thêm trong giai đoạn phúc thẩm đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả cho Nhà nước 15.000.000đ (Biên lai thu tiền số 008563 ngày 14/8/2020 Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa); Gia đình thuộc hộ cận nghèo của địa phương (theo Giấy chứng nhận của UBND xã Q.L. ngày 01/01/2020) là lao động chính nuôi 03 con nhỏ nên rất khó khăn.

Do các bị cáo Hoàng Văn S1. và Bùi Minh Th1. có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt nhưng việc cách ly ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết.

Đối với các bị cáo Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. kháng cáo nhưng các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá. Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại Điều 51 BLHS và xử mức hình phạt tù đối với từng bị cáo là đã được chiếu cố và giảm nhẹ so với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo trong vụ án. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự và tiền án phí hình sự sơ thẩm: Mặc dù các bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nhưng tại giai đoạn phúc

thẩm các bị cáo tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm và tiền bồi thường dân sự theo quyết định của Bản án sơ thẩm nên được chấp nhận, gồm:

- Hoàng Văn S1. nộp 15.000.000đ tiền bồi thường và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo Trịnh Ngọc Th3., Trịnh Đình C., Nguyễn Trọng Ph., Nguyễn Văn Th2., Nguyễn Văn L. và Nguyễn Hữu T. tự nguyện nộp mỗi bị cáo 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo các Phiếu thu của Chi cục THA Dân sự huyện Quảng Xương nên được chấp nhận và được trừ vào số tiền án phí sơ thẩm phải nộp theo Bản án số 11/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5]. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. phải chịu án phí phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận để cải sửa án sơ thẩm.

Các bị cáo Hoàng Văn S1. và Bùi Minh Th1. không phải chịu án phí phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận một phần để cải sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 351; Điểm a,b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn S1. và Bùi Minh Th1., sửa phần hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T.. Giữ nguyên quyết định về hình phạt tù tại của Bản án Hình sự sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

[2]. Áp dụng:

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Điểm a,b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo;

- Điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn S1..

- Điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; Điều 58; Điều 38 BLHS năm 2015 đối với Bùi Minh Th1., Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. (Áp dụng thêm điểm s,t,v khoản 1,2 Điều 51; Điều 54 BLHS đối với Bùi Minh Th1.; điểm s,x khoản 1,2 Điều 51 BLHS đối với Nguyễn Hữu T.; điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS đối với Lâm Văn Q.)

[4]. Xử phạt: 1. Bị cáo Hoàng Văn S1.: **30** (ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam (từ ngày 20/9/2018 đến ngày 18/3/2019).

2. Bị cáo Bùi Minh Th1.: **04** (bốn) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án,

3. Bị cáo Lâm Văn Q.: **06** (sáu) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án,

4. Bị cáo Nguyễn Hữu T.: **06** (sáu) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án,

- Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Hoàng Văn S1., Bùi Minh Th1., Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. đảm nhiệm chức vụ có liên quan trong thời hạn 1 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

[5]. Trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm:

- Chấp nhận bị cáo Hoàng Văn S1. đã nộp 15.000.000đ tiền bồi thường cho UBND huyện Quảng Xương (Theo biên lai thu tiền số 008563 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương), còn phải bồi thường tiếp **56.374.500** đồng. Chấp nhận đã nộp đủ 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm (Theo biên lai thu tiền số 008547 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương).

- Chấp nhận các bị cáo sau đã nộp đủ 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo các biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, cụ thể: Trịnh Ngọc Thuận (biên lai số 008545 ngày 18/5/2020); Trịnh Đình C. (biên lai số 008546 ngày 18/5/2020); Nguyễn Trọng Ph. (biên lai số 008548 ngày 18/5/2020); Nguyễn Văn Th2. (biên lai số 008549 ngày 18/5/2020); Nguyễn Văn L. (biên lai số 008550 ngày 18/5/2020); Nguyễn Hữu T. (biên lai số 008544 ngày 14/5/2020).

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7]. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lâm Văn Q. và Nguyễn Hữu T. mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hoàng Văn S1. và Bùi Minh Th1. không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS, TA, THAHS H. Quảng Xương;
- T.H.ADS Huyện Quảng Xương;
- Các Bị cáo;
- Lưu H.sơ vụ án.

Hà Huy Hùng

